

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/11/2017
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt
2. Bà Võ Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/10/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ý N, sinh năm: 1991; (có mặt)

HKTT: số 449, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: 6B, xã X, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Đức V, sinh năm: 1983; (có mặt)

Địa chỉ: số 449, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn Nguyễn Thị Ý N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Ý N với anh Trần Đức V kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/12/2009. Chị N và anh V sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017 thì mâu thuẫn xảy ra nguyên nhân là do anh V nói với chị N là anh V có thương người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng bất đồng ý kiến, vợ chồng thường hay cãi vã, cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt. Chị N và anh

V sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đức V. Quá trình sống chung có 02 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/10/2009 và Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 21/10/2016 hiện hai con do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, chị N yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho mỗi con là 1/2 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định cho đến khi Hân và Hưng đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra chị N không yêu cầu nào khác.

Bị đơn Trần Đức V trình bày:

Anh Trần Đức V với chị Nguyễn Thị Ý N kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/12/2009. Chị N và anh V sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017 thì mâu thuẫn xảy ra nguyên nhân là do anh V nói với chị N là anh V có chộc ghẹo người phụ nữ khác bên ngoài nhưng thật sự không có quan hệ tình cảm gì với ai bên ngoài. Anh V đi làm ở Vĩnh Long sáng đi chiều anh V về. Chị N và anh V sống ly thân từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Do vợ chồng không có mâu thuẫn gì và anh V còn thương vợ, con nên anh Trần Đức V không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ý N. Anh Trần Đức V và chị Nguyễn Thị Ý N sống chung có 02 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/10/2009 và Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 21/10/2016 hiện hai con do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu chị N cương quyết ly hôn mà Tòa án cho ly hôn thì anh V yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Trần Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 10/10/2009 và Trần Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 21/10/2016. Anh V không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Nếu hai con do chị N nuôi dưỡng thì anh V không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết. Ngoài ra anh V không yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật: Chị Ý Nhi xin ly hôn với Việt yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1]Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ý N và anh Trần Đức V kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn, chị N và anh V có thời gian dài sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Chị Ý Nhi cho rằng do vợ chồng bất hòa trong cuộc sống, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và nghi ngờ anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, chị N và anh V thật sự ly thân từ tháng 02/2017 đến nay, nhưng chị N không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, anh V cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn do anh V có nói với chị N là ra ngoài có chộc ghẹo người phụ nữ khác, nhưng đây chỉ là nói qua lại

với chị N thật sự là không có, từ đó Nhi và Việt có cãi vã nhau nhưng không có gì lớn và Nhi bỏ về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 02/2017 đến nay .

Tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có quy định “Khi vợ hoặc chồng có yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được ...”

Xét thấy thời gian chị N và anh V chung sống hạnh phúc 09 năm, đã có 02 con chung Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh V chỉ vì chị N cho rằng bất đồng ý kiến, anh V nói với chị N là có thương người phụ nữ khác bên ngoài, không sống chung từ tháng 02/2017 đến nay, anh V không thừa nhận, anh V cho rằng vợ chồng chỉ cãi vã nhau, anh V có nói với chị N là ra ngoài có chọc gheo người phụ nữ khác nhưng đó chỉ là nói chơi qua lại với chị N thôi chứ thật sự là không có. Những lý do chị N đưa ra để yêu cầu được ly hôn với anh V đối chiếu với Điều luật đã trích dẫn trên là không có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đồng thời trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa hôm nay chị N không chứng minh được chị N và anh V có mâu thuẫn với nhau trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm giữa chị N và anh V chưa mâu thuẫn đến mức trầm trọng, hôn nhân còn có thể hàn gắn được, vì vậy cần không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh V để vợ chồng chị N anh V đoàn tụ là có căn cứ và phù hợp Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự .

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung giữa chị N và anh V.

Chị N phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 91, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ý N với anh Trần Đức V.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Ý N có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, tiền án phí của chị N được khấu trừ vào 300.000đ tiền

tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp ngày 28/9/2017 theo biên lai số 16657 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, Chi N không phải nộp thêm.

Án xử có đủ mặt các đương sự, báo cho các bên biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND H.V;
- CC THA-DS H.V;
- Các đ/s;
- Lưu HS, AV.

Đã ký

Trương Thị Bích Thủy